

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2018/HS-ST
Ngày 09-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Hữu Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Khắc Quyết

Ông Trần Thế Sự

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Trọng Đạt - Thư ký Toà án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Quỳnh Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 21/2018/TLST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2018, đối với bị cáo:

Phạm Thị T, sinh ngày 08 tháng 12 năm 1984 tại Tuyên Quang. Nơi ĐKKHKT: Thôn Y, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; nơi sinh sống: Tổ Đ, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H và bà Đỗ thị N; chồng là: Nguyễn Như H và 02 con; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 18-5-2018, đến ngày 21-5-2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1963; nơi cư trú: Tổ T, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

2. Anh Vũ Ngọc H, sinh năm 1987, nơi cư trú: Tổ 1, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Anh Vũ Văn A;

2. Anh Vũ Ngọc H;

3. Chị Lý Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thị T đang nuôi con nhỏ. Khoảng tháng 4-2018, chị Lý Thị M, sinh năm 1999; cư trú tại: Thôn H, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (là người cùng huyện với T) đến nhà T xin việc làm. Do đang cần người giúp việc nên T đồng ý và thỏa thuận trả M 2.000.000 đồng/một tháng và nuôi ăn, ở. Trong thời gian làm giúp việc cho T, M đặt vấn đề với T là có nhu cầu bán dâm cho khách du lịch. T đồng ý và thỏa thuận với M là khi có khách có nhu cầu mua dâm gọi điện cho T thì T sẽ chở M đi bán dâm; mỗi lần bán dâm là 60 phút, tiền bán dâm là 150.000 đồng; trong đó, M được hưởng 70.000 đồng, T được hưởng 80.000 đồng.

Khoảng 20 giờ 45 phút, ngày 18-5-2018, anh Vũ Ngọc H, sinh năm 1987; nơi cư trú: Tổ 1, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng gọi điện cho T đặt vấn đề cần một gái bán dâm đến khách sạn L ở khu I, phường V, quận Đ để H mua dâm. T đồng ý và điều khiển xe mô tô BKS 16 F9-6534 chở M đến khách sạn L để cho M và H mua bán dâm với nhau. Sau đó, T đi về nhà. H và M được Vũ Văn A - nhân viên lễ tân của khách sạn L bố trí phòng 412 của khách sạn để nghỉ. Tại phòng 412, H đã đưa cho T tiền mua dâm là 500.000 đồng rồi hai bên thực hiện hành vi mua bán dâm với nhau.

Hồi 21 giờ 20 phút, ngày 18-5-2018, Công an quận Đồ Sơn tiến hành kiểm tra hành chính khách sạn L, bắt quả tang H và M đang mua bán dâm tại phòng 412, thu giữ 01 bao cao su đã qua sử dụng nhãn hiệu Onetouch; M giao nộp cho Cơ quan điều tra 500.000 đồng là tiền có được do bán dâm cho H. Đến 23 giờ cùng ngày, T đến trụ sở Công an quận Đồ Sơn đầu thú về hành vi môi giới mại dâm của mình.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn đã truy tố; bị cáo nhận biết được việc môi giới mại dâm là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện với mục đích kiếm lời; bị cáo thừa nhận việc bị điều tra, truy tố, xét xử là không oan sai và không bị ép buộc phải khai không đúng sự thật.

Cáo trạng số 21/CT-VKS ngày 08-10-2018 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn truy tố bị cáo T về tội Môi giới mại dâm, theo quy định tại khoản 1 Điều 328 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thừa nhận hành vi môi giới mại dâm để kiếm lời. Do đó,

Viện Kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với T về tội Môi giới mại dâm. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội, bị cáo đã ra đầu thú. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 328, Điều 38, điểm I và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo T từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền vì điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo khó khăn;

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a và b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm a, b và c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy 01 bao cao su nhãn hiệu Onetouch đã qua sử dụng thu được tại phòng 412 khách sạn L cùng 01 sim điện thoại số thuê bao 0975877157 của Phạm Thị T sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu hồng, số IMEI: 359465082092935 mà bị cáo T dùng vào việc phạm tội và số tiền 500.000 đồng do M giao nộp.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố và luận tội, nhận thức được hành vi của mình là sai trái và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- [1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, của Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị T, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi của mình về việc Vũ Ngọc H liên hệ với T để mua dâm, việc chở một người bán dâm đi bán dâm tại khách sạn L, khu I, phường V, quận Đ vào

khoảng 21 giờ, ngày 18-5-2018 và thỏa thuận việc chia tiền có được sau khi bán dâm. Hành vi mua, bán dâm của hai người đã được T môi giới đã bị Cơ quan điều tra bắt quả tang tại phòng 412 khách sạn L vào hồi 21 giờ 20 phút, ngày 18-5-2018. Lời khai của T phù hợp với như nội dung bản Cáo trạng của Viện Kiểm sát. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo đã đầu thú, thành khẩn khai nhận bản thân đã có hành vi làm trung gian dẫn dắt để người khác thực hiện việc mua dâm, bán dâm.

[3] Bị cáo T là người có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ nên phải chịu trách nhiệm hình sự về tội mà mình thực hiện. Bị cáo nhận thức được hành vi môi giới mại dâm là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện với mục đích kiếm lời. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến khách thể là trật tự công cộng.

[4] Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội Môi giới mại dâm, quy định tại khoản 1 Điều 328 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo đã đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, đang nuôi con nhỏ nên Hội đồng xét xử cần xem xét những đặc điểm nhân thân này trong quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Xét thấy, bị cáo phạm tội Môi giới mại dâm quy định tại khoản 1 Điều 328 của Bộ luật Hình sự có khung hình phạt cao nhất không quá 03 năm tù; bị cáo có nhân thân tốt; ngoài lần phạm tội này, bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân nơi cư trú; có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám sát, giáo dục; hiện nay đang nuôi hai con nhỏ (01 con nhỏ hơn 16 tháng tuổi); có khả năng tự cải tạo; việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Điều 2 Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

[8] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy điều kiện, hoàn cảnh kinh tế của bị cáo khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng:

[9] 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu hồng, số IMEI: 359465082092935 cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước; 01 sim điện thoại (Kèm theo chiếc điện thoại trên), 01 bao cao su Onetouch đã qua sử dụng thu được tại phòng 412 khách sạn L là vật không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy; theo điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; số tiền 500.000 đồng do chị Lý Thị M giao nộp là tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10] Chiếc xe mô tô BKS 16 F9-6534 T dùng chở chị M đến khách sạn L để bán dâm cho anh Vũ Ngọc H thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn Th. Ông Th cho T mượn và không biết T dùng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Th là có căn cứ, theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh, MODEL: 1202, số IMEI: 351932030295926 cùng 01 sim điện thoại số 01226392816 thu của H tuy là vật chứng nhưng không phải là công cụ, phương tiện phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh H là có căn cứ, theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Về các vấn đề khác:

[12] Vũ Văn A là nhân viên lễ tân khách sạn L đã bố trí phòng 412 của khách sạn cho M và T nhưng không biết và không liên quan đến hoạt động môi giới mại dâm của T nên Cơ quan điều tra không có cơ sở lập hồ sơ xử lý trước pháp luật là có căn cứ.

[13] H và M có hành vi mua dâm, bán dâm, hành vi không cấu thành tội phạm. Vì vậy, Công an quận Đồ Sơn đã quyết định xử phạt hành chính đối với H và M là đúng pháp luật.

[14] Ông Th không yêu cầu T phải thực hiện trách nhiệm dân sự liên quan đến chiếc xe mô tô mà ông đã cho T mượn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[15] Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 328, Điều 38, các điểm i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị T phạm tội Môi giới mại dâm.

Xử phạt Phạm Thị T 09 (*Chín*) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (*Mười tám*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 09-11-2018.

Giao Phạm Thị T cho Ủy ban nhân dân phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a và c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (*Một*) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu hồng, số IMEI: 359465082092935 thu giữ của Phạm Thị T; tịch thu tiêu hủy 01 bao cao su nhãn hiệu Onetouch đã qua sử dụng thu được tại phòng 412 khách sạn L và 01 (*Một*) sim điện thoại (Kèm theo chiếc điện thoại nêu trên) thu giữ của Phạm Thị T. Những vật chứng này được thể hiện tại Biên bản bàn giao đồ vật, tài sản bị tạm giữ ngày 09-10-2018, giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Đồ Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 500.000 (*Năm trăm nghìn*) đồng do chị Lý Thị M giao nộp. Số tiền này thể hiện tại Biên lai thu tiền số AA/2010/6205 ngày 09-10-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Buộc các bị cáo Phạm Thị T phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Phạm Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Vũ Ngọc H, ông Nguyễn Văn Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Cơ quan CSĐT Công an quận Đồ Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Thi hành án hình sự;
- UBND phường V, quận Đ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Trường